

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
BAN QUẢN LÝ
CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02 /GPMT-BQL

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 01 năm 2024

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

**BAN QUẢN LÝ CÁC KHU CHẾ XUẤT VÀ CÔNG NGHIỆP
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020;

Căn cứ Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24 tháng 6 năm 2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển Thành phố Hồ Chí Minh;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Quyết định số 23/2023/QĐ-UBND ngày 22 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về ban hành quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh;

Xét đề nghị của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội tại văn bản số CPC1-02/CV-MT ngày 18 tháng 01 năm 2024 về việc đề nghị cấp giấy phép môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội” và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Trưởng phòng Quản lý Môi trường tại Tờ trình ngày 19 tháng 01 năm 2024.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Cấp phép cho Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội, địa chỉ trụ sở chính tại Cụm Công nghiệp Hà Bình Phương, xã Văn Bình, huyện Thường Tín, Thành phố Hà Nội được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của dự án đầu tư “Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội” với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của dự án đầu tư:

1.1. Tên dự án đầu tư: “Nhà máy sản xuất Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A5-11, đường D2&N2, khu A5, khu công nghiệp Tân Phú Trung, xã Tân Phú Trung, huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp mã số 0104089394 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp, đăng ký lần đầu: ngày 05 tháng 08 năm 2009, đăng ký thay đổi lần thứ 16: ngày 23 tháng 03 năm 2023; Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư mã số dự án 4164176421 do Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh cấp, chứng nhận lần đầu: ngày 15 tháng 07 năm 2022.

1.4. Mã số thuế: 0104089394.

1.5. Loại hình sản xuất: Sản xuất thuốc, thực phẩm chức năng, mỹ phẩm và kho chứa hàng.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của dự án:

- Tổng diện tích đất: 6.586,9 m².

- Công suất: Sản xuất thuốc quy mô 10 tấn sản phẩm/năm; sản xuất thực phẩm chức năng quy mô 10 tấn sản phẩm/năm; sản xuất mỹ phẩm quy mô 25 tấn sản phẩm/năm và kho chứa hàng của Công ty với sức chứa 400 tấn.

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với khí thải quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2: Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội.

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường.

2. Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải,

khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh, cơ quan chức năng ở địa phương nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện nếu có thay đổi khác với các nội dung quy định tại Giấy phép này, phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3: Thời hạn của Giấy phép: 10 năm kể từ ngày Giấy phép môi trường được ký ban hành.

Điều 4: Giao Phòng Quản lý Môi trường – Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật. /: 

Nơi nhận:

- Công ty Cổ phần Dược phẩm CPC1 Hà Nội;
- UBND TP.HCM;
- Sở TN&MT;
- UBND huyện Củ Chi;
- Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Sài Gòn Tây Bắc;
- Lãnh đạo Ban;
- Cổng Thông tin điện tử BQL các KCX&CN;
- Lưu: VT, P.QLMT.B(12) 

**KT. TRƯỞNG BAN
PHÓ TRƯỞNG BAN**



Phạm Thanh Trục



Phụ lục 1

NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02 /GPMT-BQL ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với nước thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (do nước thải được đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của khu công nghiệp Tân Phú Trung).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải:

- Thu gom nước thải sinh hoạt: Nước thải sinh hoạt của dự án được thu gom và xử lý sơ bộ bằng 04 bể tự hoại, sau đó tiếp tục dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy để xử lý cùng với nước thải sản xuất.

- Thu gom nước thải sản xuất: Nước thải sản xuất của dự án bao gồm nước từ hoạt động rửa dụng cụ, thiết bị (vệ sinh chai lọ đóng gói sản phẩm, rửa đường ống, rửa chai, bồn chiết rót, thiết bị pha chế, vệ sinh nhà xưởng, giặt thiết bị bảo hộ lao động...) trong sản xuất và phòng kiểm nghiệm, nước từ hệ thống RO (hoạt động rửa lọc, vệ sinh thiết bị và nước RO thải) cùng với nước thải sinh hoạt dẫn về hệ thống xử lý nước thải cục bộ của nhà máy trước khi dẫn ra hố ga được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải của khu công nghiệp Tân Phú Trung trên tuyến đường N2.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải:

- Quy trình công nghệ của hệ thống xử lý nước thải: Nước thải sản xuất và nước thải sinh hoạt sau bể tự hoại → Hố thu gom → Bể tách dầu → Bể điều hòa → Bể trộn → Bể phản ứng → Bể lắng 1 → Bể anoxic → Bể aerotank → Bể lắng 2 → Bể khử trùng → Hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải trên đường N2 của khu công nghiệp Tân Phú Trung.

- Công suất thiết kế: 30 m³/ngày.đêm.

- Hóa chất sử dụng: PAC, polymer, NaOH, NaClO.

- Tọa độ điểm đầu nối nước thải: X = 1207964.748; Y = 584202.423.

- Chế độ xả nước thải: Xả liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục:

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố:

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố bể tự hoại: Thường xuyên theo dõi hoạt động của bể tự hoại; bể tự hoại đầy phải tiến hành hút hầm cầu.

- Phương án phòng ngừa và ứng phó sự cố đường ống thoát nước: Thường xuyên kiểm tra và bảo trì các mối van, van khóa trên hệ thống đường ống dẫn đảm bảo an toàn và đạt độ bền, độ kín khít của tất cả các tuyến ống.

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý nước thải của nhà cung cấp.

- Giám sát các hệ thống xử lý nước thải thường xuyên để kịp thời phát hiện sự cố có thể xảy ra.

- Khi xảy ra sự cố, ngưng hoạt động hệ thống xử lý nước thải và các công đoạn sản xuất có liên quan để xác định nguyên nhân và nhanh chóng khắc phục. Sau khi hoàn tất công tác khắc phục mới tiếp tục hoạt động sản xuất.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm:

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm: 03 tháng từ tháng 02 năm 2025.

2.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải phải vận hành thử nghiệm: Hệ thống xử lý nước thải công suất 30 m³/ngày.đêm.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu:

- Đầu vào: Tại vị trí bể điều hòa của hệ thống xử lý nước thải.

- Đầu ra: Tại đường ống thoát nước thải sau hệ thống xử lý tại hố ga đầu nối trên đường N2.

2.2.2. Các chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm:

- Các chất ô nhiễm: pH, BOD₅, COD, chất rắn lơ lửng, tổng nitơ, amoni (tính theo N), tổng photpho (tính theo P), coliform, tổng dầu mỡ khoáng.

- Giá trị giới hạn cho phép của các chất ô nhiễm: nước thải sau xử lý đạt tiêu chuẩn đầu nối của khu công nghiệp Tân Phú Trung.

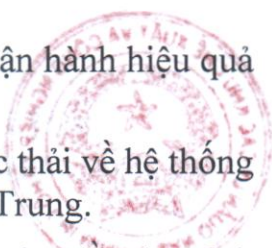
2.3. Tần suất lấy mẫu: Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm hệ thống xử lý nước thải theo quy định tại khoản 5 Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT. Cụ thể như sau: ít nhất 03 mẫu đơn trong 03 ngày liên tiếp của giai đoạn vận hành ổn định.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Tách rời hoàn toàn hệ thống thu gom, thoát nước thải với hệ thống thu gom, thoát nước mưa; Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng yêu cầu đầu nối, tiếp nhận nước thải của chủ đầu tư xây dựng, kinh doanh hạ tầng Khu công nghiệp Tân Phú Trung, không được phép xả thải trực tiếp ra môi trường dưới mọi hình thức.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Chịu hoàn toàn trách nhiệm về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của Khu công nghiệp Tân Phú Trung.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP  196

**Phụ lục 2****NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **02** /GPMT-BQL ngày **22** tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI:

Dự án không thuộc đối tượng phải cấp giấy phép môi trường đối với khí thải theo quy định tại Điều 39 Luật Bảo vệ môi trường (Dự án không phát sinh bụi, khí thải xả ra môi trường phải được xử lý).

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI:

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý bụi, khí: Không có.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm: Không có.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Các nguồn khí thải thuộc trường hợp không yêu cầu hệ thống xử lý, cụ thể:

- Khí thải, nhiệt thừa từ lò hơi đốt dầu DO được thu gom và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao khoảng 5m với tổng lưu lượng thải là 1.000 m³/giờ.

- Khí thải từ máy phát điện dự phòng được thu gom và thoát ra môi trường qua 01 ống thải cao khoảng 5m với tổng lưu lượng thải là 20.340 m³/giờ.

Đối với các nguồn khí thải này, chủ dự án phải thường xuyên theo dõi hoạt động, bảo dưỡng định kỳ các hệ thống thu gom, thoát khí thải, đảm bảo chất lượng khí thải đạt quy chuẩn cho phép.

3.2. Chủ dự án chịu hoàn toàn trách nhiệm khi xả bụi, khí thải không đảm bảo các yêu cầu tại Giấy phép này ra môi trường. *7/13*

**Phụ lục 3****BAO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02 /GPMT-BQL ngày 22 tháng 01 năm 2024
của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung:**

- Nguồn số 01: từ hoạt động của hệ thống máy tạo jelly tại khu vực chuyển sản xuất thực phẩm chức năng.
- Nguồn số 02: từ hoạt động của máy sấy tay tại khu vực chuyển sản xuất thuốc.
- Nguồn số 03: từ hoạt động của máy đóng lọ tự động tại khu vực chuyển sản xuất mỹ phẩm.
- Nguồn số 04: từ hoạt động của hệ thống RO.
- Nguồn số 05: từ hoạt động của hệ thống xử lý nước thải.
- Nguồn số 06: từ hoạt động của lò hơi.
- Nguồn số 07: từ hoạt động của máy nén khí.
- Nguồn số 08: từ hoạt động của máy phát điện dự phòng.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung:

- Nguồn số 1 : Tọa độ X = 1207926.558; Y = 584437.407.
- Nguồn số 2 : Tọa độ X = 1207932.649; Y = 584416.136.
- Nguồn số 3 : Tọa độ X = 1207941.812; Y = 584394.857.
- Nguồn số 4 : Tọa độ X = 1207951.131; Y = 584434.308.
- Nguồn số 5 : Tọa độ X = 1208063.163; Y = 584238.610.
- Nguồn số 6 : Tọa độ X = 1208063.116; Y = 584220.391.
- Nguồn số 7 : Tọa độ X = 1207951.154; Y = 584443.417.
- Nguồn số 8 : Tọa độ X = 1208063.140; Y = 584229.501.

(Theo hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến trực $105^{\circ}45'$, múi chiều 3°)

3. Tiếng ồn, độ rung: phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn; QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn:

Từ 6-21 giờ (dBA)	Từ 21-6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung:

Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép, dB		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
Từ 6-21 giờ	Từ 21-6 giờ		
70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG:**1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung:**

- Lắp đặt các đệm chống rung tại chân máy móc, thiết bị.
- Kiểm tra, bôi trơn và bảo dưỡng định kỳ máy móc, thiết bị.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

- Thực hiện đầy đủ các biện pháp nhằm giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung phát sinh trong quá trình vận hành của dự án, đảm bảo nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này. *TH*



Phụ lục 4

YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI, PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

(Kèm theo Giấy phép môi trường số **02** /GPMT-BQL ngày **22** tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI:

1. Chứng loại, khối lượng chất thải phát sinh:

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại phát sinh thường xuyên:

STT	TÊN CHẤT THẢI	Mã CTNH	Trạng thái tồn tại	Khối lượng (kg/năm)
1	Hoá chất thải (Các loại dung môi và hỗn hợp dung môi hữu cơ thải)	17 08 03	Rắn/Lỏng	49
2	Vật liệu rắn thải (chai lọ thủy tinh, bao bì dính hoá chất...)	18 01 04	Rắn	198
3	Bóng đèn led	16 01 13	Rắn	20
4	Pin ắc qui thải	19 06 04	Rắn	10
5	Bùn thải có các thành phần nguy hại từ quá trình xử lý nước thải	12 06 05	Rắn	2.253
6	Hộp mực in thải có các thành phần nguy hại	08 02 04	Rắn	20
7	Chất thải rắn từ quá trình sản xuất dược phẩm có các thành phần nguy hại	03 05 09	Rắn	450
8	Dược phẩm quá hạn sử dụng; bán thành phẩm, sản phẩm không đạt chất lượng, sản phẩm lỗi thu hồi từ thị trường	03 05 09	Rắn	225
Tổng				3.225

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh:

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/ngày)
1	Bao bì đóng gói các loại (giấy đóng gói, thùng carton)	Rắn	100
2	Bao bì đóng gói (chai nhựa, tấm ép v.v)	Rắn	42

STT	Tên chất thải	Trạng thái	Khối lượng (kg/ngày)
3	Bao bì đóng gói các loại (chai thủy tinh)	Rắn	44
4	Bao bì đóng gói các loại (màng nhôm ép vôi)	Rắn	10
5	Nhựa trao đổi ion từ Hệ thống RO	Rắn	75
Tổng			271

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh: 69 tấn/năm

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại:

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại:

2.1.1. Thiết bị lưu chứa:

Thùng chứa có nắp đậy bằng vật liệu nhựa HDPE, dung tích 120 lít chứa riêng đối với từng loại chất thải, có dán mã chất thải. Bùn từ hệ thống xử lý nước thải được lưu giữ tại bể chứa bùn của hệ thống đợi chuyển giao.

2.1.2. Khu vực lưu chứa chất thải nguy hại:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 35 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa: Kho chứa có kết cấu tường xây gạch, nền được tráng xi măng chống thấm, mái tôn che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ; trong kho được trang bị các khay sắt có gờ chống tràn nhằm ứng phó sự cố tràn đổ hóa chất, dầu nhớt; có trang bị thiết bị, phương tiện PCCC, gắn biển dấu hiệu cảnh báo, phòng ngừa theo quy định.

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường:

2.2.1. Thiết bị lưu chứa:

Bố trí các thùng chứa cấu tạo bằng vật liệu nhựa HDPE, dung tích 120 lít và các bao PP chống thấm chứa riêng đối với từng loại chất thải.

2.2.2. Khu vực lưu chứa chất thải rắn công nghiệp thông thường:

- Diện tích khu vực lưu chứa: 20 m²

- Thiết kế, cấu tạo của khu vực lưu chứa chất thải công nghiệp thông thường: Kho chứa có kết cấu tường xây gạch, nền được tráng xi măng chống thấm, mái tôn che kín nắng mưa cho toàn bộ khu vực lưu giữ và có biển cảnh báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt:

2.3.1. Thiết bị lưu chứa:

Chất thải rắn sinh hoạt khu nhà vệ sinh, khu văn phòng và khu vực xưởng sản xuất được chứa trong các thùng chứa rác sinh hoạt dung tích 30 lít sau đó được thu gom và lưu giữ về các thùng chứa rác 240 lít có nắp đậy được đặt tại khu tập kết

rác sinh hoạt tại khu vực bên ngoài nhà xưởng để tiến hành lưu giữ chờ đội thu gom đến tiến hành bàn giao.

2.3.2. Điểm tập kết thùng chứa chất thải rắn sinh hoạt:

Tại phía ngoài nhà xưởng, gần vị trí nhà xe.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG:

- Xây dựng, thực hiện phương án phòng chống, ứng phó với sự cố rò rỉ hóa chất và các sự cố khác theo quy định của pháp luật.

- Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường.

- Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2 Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP. *746*



**Phụ lục 5****CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số 02 /GPMT- BQL ngày 22 tháng 01 năm 2024 của Ban Quản lý các Khu chế xuất và công nghiệp Thành phố Hồ Chí Minh)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC:

Dự án không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

1. Bảo đảm và tự chịu trách nhiệm về thông tin, số liệu trong nội dung báo cáo đề xuất cấp giấy phép môi trường và các nội dung giải trình đã nộp kèm theo hồ sơ đề nghị cấp phép môi trường của dự án.

2. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

3. Giảm thiểu chất thải phát sinh thông qua việc áp dụng các giải pháp cải thiện hiệu quả sản xuất.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hàng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật; cập nhật, lưu giữ thông tin, số liệu về môi trường để cơ quan quản lý nhà nước về bảo vệ môi trường kiểm tra khi cần thiết.

5. Thực hiện đúng, đầy đủ trách nhiệm theo quy định pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật, quy chuẩn kỹ thuật môi trường nêu tại Giấy phép môi trường này có sửa đổi, bổ sung hoặc được thay thế thì thực hiện theo quy định tại văn bản mới. /